TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày: 06 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Chu Vinh Quang
2. Ông Bùi Văn Đông

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Minh Thu, thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đầm Hà, Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST ngày 17/12/2020 đối với bị cáo: Họ và tên: **Trần Trung Đ**, tên gọi khác không, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1984, tại huyện B, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn T_1, xã T_2, huyện Đ, tỉnh Q; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Sán chỉ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S và bà Chương Kim D; Vợ, con chưa có. Tiền án, tiền sự không. Hiện tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

* Người bị hại: ông Trần Văn T, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn T_1, xã T_2, huyện Đ, tỉnh Q. Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt

* Người làm chứng: ông Trần Văn S, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Văn T và ông Trần Văn S bố Trần Trung Đ là anh em ruột, có mẹ là bà Ân Thị M, hiện đang ở cùng với ông T_3. Bà M hàng tháng được hưởng chế độ tiền tử tuất của chồng. Năm 2019 Trần Trung $Đ_1$ là con trai ông Sìn đã lĩnh nhận hộ bà Minh tiền tử tuất 6.160.000 đồng nhưng không đưa cho bà M. Do bức xúc nên vào khoảng 21 giờ 15 phút ngày 12/8/2020, ông T_3 gọi điện cho ông S yêu cầu gặp Đ để nói chuyện thì được Đ nói lại "đã muộn đi ngủ rồi để khi khác gặp". Ông T liền điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 14M1- 054.57 đến nhà ông S ở thôn Tân T_1, xã T_2, huyện Đ dựng xe ở ngoài sân rồi đi vào trong nhà to tiếng chửi Đ. Thấy vậy, ông S can ngăn đẩy ông T về, ông T dắt xe ra ngoài đường nhưng vẫn đứng trước cổng nhà ông S tiếp tục chửi Đ. Bực tức vì bị ông T chửi, Đ đi ra phía sau nhà lấy 01 thanh kim loại màu trắng

bạc, hình hộp vuông, dài 108,5cm, mỗi cạnh 02cm chạy ra ra vụt ông T, ông T né tránh nên gậy sắt trúng vào xe mô tô làm vỡ ốp sườn bên phải, cụm đèn hậu. Đ tiếp tục vụt hai nhát vào người ông T, một nhát trúng vào lưng, một nhát trúng vào tay trái gây thương tích.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 54/QĐ - TTYT ngày 31/8/2020 của Trung tâm y tế huyện Đ và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 526/TgT ngày 10/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Q xác định tình trạng thương tích, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Trần Văn T như sau: sẹo vết thương mu bàn tay trái kích thước (KT) (10 x 0,2)cm bị tổn hại 02% sức khỏe; đứt gân duỗi ngón 4, 5 tay trái đã được phẫu thuật khâu nối gân, hiện tại cứng khớp bàn ngón 4, 5 bị tổn hại 04% + 03% sức khỏe; gãy xương bàn V tay trái, xương đang can, thẳng trục bị tổn hại 08% sức khỏe; gãy đốt I ngón 3 tay trái bị tổn hại 02% sức khỏe; sẹo vết thương phần mềm vùng lưng trái KT (04 x 0,3)cm; cách vết thương 03cm xuống phía dưới có vết xước thượng bì da (vết biến đổi rối loạn sắc tố da) KT (04 x 0,3)cm bị tổn hại 02% + 0,5% sức khỏe. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20% (hai mươi phần trăm) sức khỏe, các tổn thương trên do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây lên.

Bản Kết luận định giá tài sản số 12/KL - ĐGTS ngày 16/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: chiếc xe mô tô BKS 14M1 - 054.57 bị hư hỏng, thiệt hại 720.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 thanh kim loại màu trắng bạc, hình hộp vuông, dài 108,5cm, mỗi cạnh 02cm. 01 chiếc xe máy BKS 14M1- 054.57

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSĐH ngày 25/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Hà truy tố bị cáo Trần Trung Đ về tội "Cố ý gây thương tích", theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Người bị hại ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại cơ quan Điều tra thể hiện: Khoảng 21 giờ ngày 12/8/2020 sau khi gọi điện thoại để gặp Đông không được ông có đến nhà $Đ_1$ tại thôn T_1, xã T_2, huyện Đ với mục đích hỏi về việc $Đ_1$ nhận tiền tuất của bố ông, khi vào nhà Đ, ông đã bị Đ và ông S là bố Đ xô ông vào góc tường phòng khách và quát mắng, đe dọa đánh ông, ông xô cửa đi ra ngoài sân lấy xe định về thì Đ cầm 1 gậy kim loại đánh ông 01 nhát vào lưng, một nhát vào tay ông thấy tay đau nên bỏ chạy, Đ đuổi theo 1 đoạn rồi quay lại đập phá xe của ông, ông đến Trung tâm Y Tế huyện Đ, điều trị thương tích ở tay. Sau đó Đ đã bồi thường cho ông tiền điều trị thương tích là 30.000.000 đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông T thể hiện: ngày 30/12/2020 Đông đã bồi thường với tổng số tiền 50.000.000 đồng. Nay ông không đề nghị bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử cho Đ được cải tạo tại địa phương.

Lời khai của ông Trần Văn S thể hiện: Vào khoảng hơn 21 giờ ngày 12/8/2020 sau khi ông T gọi điện cho Đ, Đ không tiếp chuyện, ông T_3 đi xe máy cầm theo gậy đến nhà ông , khi bước chân vào nhà ông T đã lớn tiếng chửi Đ, ông có can ngăn và đẩy

ông T ra sân để về nhà, ông T ra sân lấy xe đi ra đường nhưng sau đó lại còn dừng xe lại quay lại chửi Đ và hai bên giằng co, do bực tức nên Đ đã lấy 01 gậy kim loại ra chỗ ông T đứng vụt 01 nhát vào lưng ông T và 01 nhát vào tay ông T, ông T bỏ chạy và ông có gọi điện cho con gái ông T đến lấy xe ông T về nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Trung Đ phạm tội: " *cố ý gây thương tích* ". Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định điểm a khoản 1 điều Điều 134); Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T_2, huyện Đ, quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

Về phần dân sự: Người bị hại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xét.

Về vật chứng trong vụ án: Chiếc xe máy thu giữ của ông T, Cơ quan Điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập. Đối với 01 thanh kim loại màu trắng bạc bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không tranh luận gì với nội dung của bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Căn cứ quá trình tranh tụng, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Người bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về hành vi gây thương tích của bị cáo phù hợp với giấy chứng nhận thương tích, bản kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 12/8/2020, tại nhà bị cáo Đ thuộc thôn T_1, xã T_2, huyện Đ, tỉnh Q, do mâu thuẫn trong quan hệ họ hàng, bị cáo Đ đã có hành vi dùng thanh kim loại hình hộp vuông đánh ông Trần Văn T, khiến ông T bị thương tích tại phần lưng trái và bàn tay trái gây thương tích, tổn hại 20% sức khỏe.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi đến cùng. Như vậy hành vi của bị cáo

đã có đủ các yếu tố cấu thành của tội: "*Cố ý gây thương tích*" thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Thương tích của người bị hại là 20% nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về lời khai của người bị hại về việc sau khi bị hại bỏ chạy thì bị cáo mới đập phá xe của bị hại, còn bị cáo khai sau khi cầm gậy có chạy đến chỗ bị hại vụt nhưng không trúng mà trúng xe của bị hại, sau đó bị hại mới xuống xe đứng đối diện với bị cáo nên bị cáo vụt vào tay, bản thân bị hại cũng có lời khai về việc sau khi lên xe bị cáo có vụt 4,5 nhát về phía bị hại và 01 nhát trúng lưng sau đó hai người đứng đối mặt bị cáo tiếp tục vụt gậy, bị hại giơ tay đỡ nên đã vào tay. Như vậy có thể thấy trong quá trình bị cáo vụt bị hại nên gậy trượt xuống phần xe của bị cáo là có cơ sở.

Đối với lời khai của ông S và bị cáo cho rằng người bị hại cầm gậy đến nhà sau đó dùng gậy đánh nhau với $Đ_1$, bị hại không thừa nhận, bên cạnh đó bị cáo khai bị hại có dùng gậy đánh lại nhưng bản thân bị cáo không xảy ra thương tích gì, ngoài 2 lời khai của bị cáo và bố bị cáo là ông S thì không có tài liệu gì chứng minh việc bị hại cầm gậy đến nhà bị cáo, do vậy lời khai của bị cáo và ông S không có cơ sở.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Tuy nhiên trong vụ án này bị hại mặc dù không có lỗi nhưng đã không tự kiềm chế được bản thân mình, mặc dù buổi tối đã muộn nhưng bị hại vẫn đi đến nhà bị cáo để dẫn đến việc cả hai xảy ra xô xát, cãi vã sau đó đến đánh nhau và hậu quả như trên. Việc bị cáo gây thương tích cho ông T_3, bị cáo phải bị truy tố và đưa ra xét xử là cần thiết.

[6] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bản thân bị cáo thành khẩn khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đồng thời cũng được người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, mức độ phạm tội đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn, bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ với mức tự cải tạo ngoài xã hội, có nơi cư trú rõ ràng, Do vậy bị cáo có thể tự cải tạo mà không cần buộc bị cáo cách ly xã hội vẫn có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm

[7] *Về phần dân sự*: Người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên không xét

[8] *Về vật chứng*: Chiếc xe máy thu giữ của người bị hại, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xét. Đối với thanh kim loại là công cụ bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại, nên cần tịch thu tiêu hủy

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung Đ phạm tội: " Cố ý gây thương tích"

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Trần Trung Đ: 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy Ban nhân dân xã T_2, huyện Đ, tỉnh Q để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng Điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 53/LCCT-TA ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Hà đối với bị cáo Trần Trung Đ

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại màu trắng bạc, hình hộp vuông, hai đầu bằng, dài 108,5cm, mỗi cạnh dài 02cm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện Đ, Tỉnh Q
- Cq Điều tra huyện ĐH;
- Cq Thi hành án huyện ĐH
- Thi hành án HS, DS
- Bị cáo; bị hại
- Lưu án văn; Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thu Nga